TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 237/2018/DS-PT
Ngày 23- 11 - 2018
V/v tranh chấp về dân sự -
Thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp***: Ông Bùi Văn Thân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20/11/2018 và ngày 23/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLPT- DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp "V/v Tranh chấp về dân sự – Thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã H1 Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thị B1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và L4 ích hợp pháp của nguyên đơn bà Dương Thị B1: Luật sư Võ Thị Băng G1– Văn phòng Luật sư Băng G1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị đơn: 1. Dương Văn T1, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

2. Dương Thị Bé E1, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền L4, nghĩa vụ L2 quan:

1. Dương Văn T2, sinh năm 1950 (đã chết);

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

+ Bà Nguyễn Thị T3 (vợ), sinh năm 1946 (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn L1 (con), sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông Dương Thanh P1 (con), sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông Dương Thanh T4 (con), sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Dương Thị H1 (con), sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 50/9/19, đường số 3, khu phố 5, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Văn S1 (chồng bà H1), sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 50/9/19, đường số 3, khu phố 5, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cao Thị L2 (con bà Bé Năm), sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Cao Văn H2 (con bà Bé Năm), sinh năm 1981 (vắng mặt);

5. Cao Văn H3 (con bà Bé Năm), sinh năm 1985 (vắng mặt);

6. Cao H2 E1 (con bà Bé Năm), sinh năm 1988 (đã chết).

7. Cao Chí H4 (con bà Bé Năm), sinh năm 1991 (vắng mặt);

8. Ông Cao Văn L3 (chồng bà Bé Năm), sinh năm 1955 (đã chết);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

9. Chị Dương Thị D1 (con bà Bé E1), sinh năm 1978 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị D1: Ông Dương Văn T1 (Tiễn), sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 03/4/2017).

10. Bà Dương Thị P2 (con bà Bé E1), sinh năm 1973 (vắng mặt);

11. Ông Nguyễn Văn L4 (chồng bà P2), sinh năm 1972 (vắng mặt);

12. Anh Nguyễn Văn Vũ L5 (con chị P2), sinh năm 1997 (vắng mặt);

13.Anh Nguyễn Văn Vũ L6 (con chị P2), sinh năm 2011 (vắng mặt);

14. Anh Nguyễn Văn B2 (cháu bà Bé E1), sinh năm 1998 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà P2, ông L4, anh Vũ L5 và anh B2: Ông Dương Văn T1 (Tiễn), sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 20/12/2016 và ngày 26/12/2016).

15.Chị Nguyễn Thị Cẩm T5 (cháu bà Bé E1), sinh năm 1996 (vắng mặt);

16.Anh Nguyễn Văn K1 (cháu bà Bé E1), sinh ngày 12/7/2006 (vắng mặt);

17. Nguyễn Thanh L7 (cháu bà Bé E1), sinh ngày 01/8/2008 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

18. Anh Dương Văn L7 (con ông T1), sinh năm 1988;

19. Anh Dương Văn T6 (con ông T1), sinh năm 1988;

20. Chị Dương Thị T7 (con ông T1), sinh năm 1992;

21. Chị Dương Thị B3 (con ông T1), sinh năm 1994;

22. Chị Dương Thị N1 (con ông T1), sinh năm 1990;

23. Bà Đoàn Thị D2 (vợ ông T1), sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D2, anh L7, anh T6, chị T7, chị B3 và chị N1: Ông Dương Văn T1 (Tiễn), sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 19/4/2017).

24. Bà Nguyễn Thị D3 (vợ ông Dùng), sinh năm 1943;

25. Chị Tôn Thị P4 (con bà D3), sinh năm 1972;

26. Anh Tôn Văn N2 (con bà D3), sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An G1.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D3, chị P4, anh N2: Ông Dương Văn T1 (Tiễn), sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: ấp D, xã T, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 03/4/2017).

27. Bà Nguyễn Thị S1 (vợ ông DE1), sinh năm 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

28. Anh Cao Văn L8, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

29. Ủy ban nhân dân thị xã H1 Ngự (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm A, phường A, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Dương Thị B1 là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung của bà Dương Thị B1, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại P4ên hòa giải và tại P4ên tòa, bà B1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà: ông Dương Văn Thiếu (chết năm 1968) và bà Tôn Thị Khê (chết ngày 11/9/2009).

Ông Thiếu và bà Khê có tất cả 06 người con gồm: Dương Văn T2; Dương Thị Bé E1; Dương Văn Bé Tư (chết còn nhỏ); Dương Thị Bé Năm (chết năm 1992); Dương Văn T1 và Dương Thị B1.

Trước đây, khi còn sống bà Khê có chia cho các con phần tài sản đã xong. Diện tích đất còn lại là 727m^2, trong đó có đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm. Bà Khê có trồng me tây (Còng), me nước, tre, gáo, B3 đàn và cất một căn nhà gỗ kết cấu gồm cây tạp, mái tol, nền đất. Nhà có diện tích chiều ngang 04 mét, chiều dài 08m được cất trên diện tích đất thổ cư. Trong lúc còn sống, bà Khê có làm Tờ di chúc ngày 19/8/2009 với nội dung phân chia phần đất cho các anh chị E1 trong gia đình gồm:

1. Ông Dương Văn T2: 01 nền nhà chiều ngang 04 mét, chiều dài 25m (nền nhà này ông T2 đã nhận và đã chuyển nhượng cho người khác);

2. Bà Dương Thị Bé E1: 01 nền nhà chiều ngang 04 mét, chiều dài 25 mét;

3. Ông Dương Văn T1 (Tiễn): 01 nền nhà chiều ngang 04 mét, chiều dài 25 mét.

Riêng bà Dương Thị B1 được hưởng toàn bộ diện tích đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm còn lại là 572m^2. Bà Khê còn để lại cho bà B1 toàn bộ cây trồng trên đất gồm: Me tây (Còng), me nước, tre, gáo, B3 đàn và căn nhà tol gỗ tạp cất trên diện tích đất thổ cư do ông T1 và bà Bé E1 đang quản lý.

Sau khi chính quyền địa L7 công bố di chúc, ông Tiễn và bà Bé E1 chiếm giữ toàn bộ diện tích đất, cây trồng và căn nhà do bà Khê để lại, không đồng ý thực hiện theo di chúc. Sau đó, ông T1 còn tự ý tháo dỡ căn nhà bà Khê để lại nên hiện nay căn nhà không còn.

Nay bà B1 yêu cầu ông T1 (Tiễn) và bà Bé E1 pH4 trả cho bà B1 các tài sản do bà Khê để lại theo Tờ di chúc 19/8/2009 cụ thể như sau:

- Diện tích đất 572m^2 (trong đó có 90m^2 đất ở nông thôn và 482m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa số1264, tờ bản đồ số 02. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Tôn Thị Khê đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Giá trị của 01 (một) căn nhà tol, gỗ tạp với số tiền là 6.610.000đồng;

- Giá trị của 09 cây Me tây (Còng), 07 bụi tre, 23 cây Me nước cổ thụ và 01 cây Me chua với tổng số tiền là 7.010.000 đồng;

- Diện tích đất 766m^2 (Đất chưa được cấp quyền sử dụng) do bà Tôn Thị Khê để lại. Bà B1 yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất này. Bà

B1 cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án, không khiếu nại đến người có thẩm quyền, cơ quan hành chính nào khác.

Tại P4ên tòa phúc thẩm, bà B1 yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích đất nói trên. Bà B1 yêu cầu được nhận diện tích đất thực tế để cất nhà sử dụng vì hiện nay, bà B1 không có chỗ ở.

* Theo Đơn yêu cầu phản tố của ông Dương Văn T1 (Tiễn), trong quá trình thu thập chứng cứ, tại P4ên hòa giải và tại P4ên tòa, ông T1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông tên là Dương Văn Thiếu (chết năm 1968) và bà Tôn Thị Khê (chết ngày 11/9/2009).

Ông Thiếu và bà Khê có tất cả 06 người con gồm: Dương Văn T2; Dương Thị Bé E1; Dương Văn Bé Tư (chết còn nhỏ); Dương Thị Bé Năm (chết năm 1992); Dương Văn T1 và Dương Thị B1.

Khi bà Khê còn sống, bà Khê có chia cho các con mỗi người một diện tích đất. Bà B1 cũng được bà Khê cho một phần nhưng bà B1 cũng chuyển nhượng cho người nên không còn.

Ông T1 thống nhất, phần di sản của bà Tôn Thị Khê để lại gồm: Diện tích đất là 727m^2, 03 cây Me tây (Còng), 07 cây Me nước, 04 bụi tre, 01 cây gáo và một căn nhà sàn, gỗ tạp, mái tol. Nhà có diện tích chiều ngang 3.8 mét, chiều dài 09 mét, thuộc thửa số1264, tờ bản đồ số 02. Đất toạ lạc tại ấp Tân Hoà, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự do Tôn Thị Khê đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Khê bị bệnh từ tháng 06/2009 (âm lịch). Toàn bộ chi phí điều trị, thuốc cho bà Khê đều do ông T1 chi trả.

Đến ngày 11//9/2009 (âm lịch) bà Tôn Thị Khê chết.

Chi phí mai táng, làm mồ mả do ông T1 chi trả. Nhưng hoàn cảnh kinh tế của ông T1 khó khăn nên ông T1 đã vay của bà L7 Thị Hoàng số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), lãi suất 3%/tháng để chi trả các khoản nói trên.

Sau đó, ông T1 được sự thống nhất của anh, chị cho ông T1 chuyển nhượng diện tích 100m^2, trong quyền sử dụng 727m^2 của bà Khê để ông T1 trả nợ cho bà Hoàng. Nhưng bà B1 không đồng ý và tranh cản ông T1. Bà B1 xác định bà Khê để lại di chúc cho bà B1 được hưởng diện tích đất nói trên.

Do đó, hiện nay ông T1 vẫn chưa thanh toán xong nợ cho bà Hoàng. Vì vậy, trường hợp bà B1 được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Khê, ông T1 yêu cầu bà B1 pH4 trả lại cho ông toàn bộ chi phí mai táng, làm mồ mả và chi phí điều trị bệnh của bà Khê với số tiền vốn lãi là 68.680.000 đồng.

Ông T1 đồng ý nhận quyền sử dụng một phần diện tích đất được chia đối với diện tích 766m^2 và đồng ý giao lại cho bà Dương Thị Bé E1.

Nay ông Dương Văn T1 (Tiễn) không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà Dương Thị B1. Bởi vì, bà Khê không để lại di chúc. Ông T1

đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản nói trên của bà Tôn Thị Khê. Đồng thời, ông T1 yêu cầu những người hưởng thừa kế di sản pH4 có trách nhiệm trả lại cho ông T1 chi phí điều trị bệnh, mai táng,… cho bà Khê, tổng cộng số tiền là 68.680.000 đồng.

***** Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại các P4ên hòa giải cùng lời trình bày của bà Dương Thị Bé E1:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông tên là Dương Văn Thiếu (chết năm 1968) và bà Tôn Thị Khê (chết ngày 11/9/2009).

Ông Thiếu và bà Khê có tất cả 06 người con gồm: Dương Văn T2; Dương Thị Bé E1; Dương Văn Bé Tư (chết còn nhỏ); Dương Thị Bé Năm (chết năm 1992); Dương Văn T1 và Dương Thị B1.

Bà Bé E1 thống nhất với lời trình bày của ông Dương Văn T1 (Tiễn) về nguồn gốc di sản. Hiện nay, bà Bé E1 là người trực tiếp sử dụng diện tích đất, là di sản mà bà B1 đang tranh chấp.

Đối với diện tích đất 727m^2, thuộc thửa số 1264, tờ bản đồ số 02 do bà Tôn Thị Khê chết để lại, bà Bé E1 đồng ý nhận phần thừa kế mà bà được hưởng. Tuy nhiên, bà Bé E1 giao cho ông Dương Văn T1 (Tiễn) sử dụng để thờ, cúng ông bà, cha mẹ.

Đối với diện tích nằm ngoài diện tích đất tranh chấp 727m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Bé E1 là 813,8m^2 (hiện nay các bên tranh chấp xác định diện tích 766m^2). Vì vậy, đối với diện tích đất 813,8m^2 do bà Bé E1 được quyền quyết định nên bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà B1. Bởi vì, diện tích đất 813,8m^2 này do bà Bé E1 được thừa hưởng từ ông, bà ngoại.

Nguồn gốc diện tích đất 813,8m^2 là do ông Tôn Minh Lời (cha ruột bà Khê) khai hoang từ thời kỳ chống Pháp. Ông Lời có 04 người con gồm: bà Tôn Thị Khê, ông Tôn Minh Chánh, ông Tôn Minh DE1 và ông Tôn Minh Dùng là mẹ và cậu ruột của bà Bé E1. Hiện nay, bà Khê và các cậu đều đã chết.

Đến năm 1961, ông Lời chết nên hai người con ruột sống chung là ông Tôn Minh Chánh và Tôn Minh DE1 tiếp tục sử dụng đất do ông Lời để lại. Ông Chánh và ông DE1 không có vợ con. Vì vậy, bà Bé E1 đã về sống chung với hai ông (cậu ruột).

Năm 1980, ông Chánh chết. Đến năm 2001, ông DE1 chết. Bà Bé E1 tiếp tục sử dụng và thừa kế diện tích đất nói trên. Hiện nay, bà Bé E1 thờ, cúng ông bà ngoại và hai người cậu ruột.

Từ khi bà Bé E1 sử dụng và nhận thừa kế diện tích đất 813,8m^2 tranh chấp, không có ai tranh chấp và có ý kiến.

Nay bà Dương Thị Bé E1 không đồng ý chia thừa kế đối với diện tích đất 813,8m^2 theo yêu cầu của bà B1, bởi vì diện tích đất này không pH4 di sản của bà Tôn Thị Khê. Bà Bé E1 yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 813,8m^2.

* Ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và L4 ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Dương Thị B1 khởi kiện ông Dương Văn T1, bà Dương Thị Bé E1 và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc mà bà Tôn Thị Khê (mẹ ruột) để lại cho bà B1 thừa hưởng diện tích đất 572m^2 cùng giá trị của căn nhà tol, gỗ tạp và giá trị cây trồng trên đất. Ngoài ra, bà B1 còn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 766m^2 là di sản của bà Khê, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà B1 rút lại yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Dương Thị B1 yêu cầu chia di sản của bà Tôn Thị Khê theo pháp luật và yêu cầu được nhận diện tích đất thực tế là có căn cứ, phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi vì, hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà B1 rất khó khăn. Bà B1 cất nhà tạm ở nhờ trên đất của người khác và đi làm thuê. Địa L7 đã có văn bản hỗ trợ cất nhà tình T6 cho bà B1 nếu bà B1 có đất.

Việc ông T1 (Tiễn) và bà Bé E1 không đồng ý chia đất thực tế mà chia giá trị đất cho bà B1 là không phù hợp.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 06/2018/DS – ST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự đã T5 xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn (Dương Thị B1), về việc yêu cầu ông Dương Văn T1 và bà Dương Thị Bé E1 pH4 trả lại cho bà quyền sử dụng đất diện tích 572m^2, giá trị của căn nhà tôn, gỗ tạp, giá trị của các cây trồng trên đất.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (Dương Thị B1), về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Tôn Thị Khê.

Tờ di chúc đề ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Tôn Thị Khê là không hợp pháp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Dương Thị B1), về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 766m^2.

Buộc ông Dương Văn T1 pH4 trả cho bà Dương Thị B1 giá trị quyền sử dụng đất diện tích 104,4m^2 bằng số tiền 10.944.000đồng *(Mười triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)*.

Ông Dương Văn T1 được hưởng 01 (một) căn nhà tôn, gỗ tạp, 09 (chín) cây me tây, 07 (bảy) bụi tre, 23 (hai mươi ba) cây me nước cổ thụ, 01 (một) cây me chua và quyền sử dụng đất diện tích 572m^2 (trong đó, 90m^2 đất ở nông thôn và 482m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa số:1264, tờ bản đồ số:02, đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà Tôn Thị Khê đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19 tháng 8 năm 2008. Đất có vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang phía trước xác định từ mốc 13 đến mốc 14, 15, 16, 17, 18 là 19,03mét;

Chiều ngang phía sau xác định từ mốc 20 đến mốc 21 là 17,96mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 13 đến mốc 20 là 18,18mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 17 đến mốc 21, 22 là 46,74mét.

Trong đó:

Mốc 1: Đo gởi về vách nhà phía trước của ông L8 có chiều dài 4,3m và đo gởi về gốc cây me chua có chiều dài 2,3m;

Mốc 2 (Trụ đá): Đo gởi về trụ điện có chiều dài 1,45m và đo gởi về cột nhà của chị P2 có chiều dài 3,4m.

Buộc bà Dương Thị Bé E1 pH4 trả cho bà Dương Thị B1 giá trị quyền sử dụng đất diện tích 153,2m^2 bằng số tiền 13.022.000đồng *(Mười ba triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng)*.

Bà Dương Thị Bé E1 được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 766m^2 (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất có vị trí tứ cận như sau:

Chiều ngang phía trước xác định từ mốc 1 đến mốc 17; từ mốc 18 đến mốc 19; từ mốc 11 đến mốc 12 là 18,66mét;

Chiều ngang phía sau xác định từ mốc 7 đến mốc 8 là 29,80mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 3 đến mốc 4, 5, 6, 7, 11 là 40,75mét;

Chiều một cạnh xác định từ mốc 1 đến mốc 8, 9, 10, 21,22 là 56,05mét.

Trong đó:

Mốc 7 (Trụ đá): Đo gởi về cây mít có chiều dài 2,4m và đo gởi về nền mã của ông Quang Văn Suôl có chiều dài 12,7m;

Mốc 10 (Trụ đá): Đo gởi về vách nhà phía sau hậu của ông L8 có chiều dài 6,9m và đo gởi về bó nền phía dưới khu vực mã của Tôn Minh Lời có chiều dài 9,5m.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo mãnh trích đo địa chính số: 37 – 2018 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự; biên bản xác định mốc gởi và biên bản xác minh tài sản gắn liền với đất đề ngày 31 tháng 10 năm 2017; biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 3 năm 2017).

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn (Dương Văn T1), về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Tôn Thị Khê.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn (Dương Văn T1), về việc yêu cầu những người thừa kế trả lại cho ông chi phí khám, chữa bệnh, mai táng cho mẹ tên Tôn Thị Khê và đã khấu trừ xong tài sản nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị B1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Dương Thị B1 1.262.000đồng *(Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn)* tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số:002811 ngày 12 tháng 7 năm 2010, biên lai thu số 009278 ngày 30 tháng 5 năm 2012, biên lai thu số 034411 ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H1 Ngự.

Ông Dương Văn T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Dương Văn T1 2.070.000đồng *(Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 009023 ngày 31 tháng 8 năm 2011, biên lai thu số 029721 ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H1 Ngự.

Bà Dương Thị Bé E1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

\Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng cộng 5.457.000đồng.

Bà Dương Thị B1 pH4 chịu chi phí thẩm định, định giá là 909.500đồng *(Chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm đồng)* đã nộp và chi xong.

Ông Dương Văn T1 pH4 chịu chi phí thẩm định, định giá là 1.819.000đồng *(Một triệu tám trăm mười chín nghìn đồng)*;

Bà Dương Thị Bé E1 pH4 chịu chi phí thẩm định, định giá là 2.728.500đồng *(Hai triệu bảy trăm hai mười tám nghìn năm trăm đồng)*;

Do bà Dương Thị B1 đã nộp tạm ứng trước số tiền 2.974.000đồng và đã chi xong; ông Dương Văn T1 đã nộp tạm ứng trước số tiền 2.483.000đồng và đã chi xong, nên bà Dương Thị Bé E1 có trách nhiệm nộp 2.728.500đồng (trong đó, bà Dương Thị Bé E1 pH4 trả cho bà Dương Thị B1 số tiền 2.064.500đồng và trả cho ông Dương Văn T1 số tiền 664.000đồng).

Về chi phí giám định: Bà Dương Thị B1 pH4 chịu 2.000.000đồng tiền chi phí giám định; do ông Dương Văn T1 đã nộp và chi xong, nên bà Dương Thị B1 pH4 trả lại cho ông Dương Văn T1 chi phí giám định là 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn T5 thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2018, bà Dương Thị B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại P4ên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại P4ên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Dương Thị B1 là nguyên đơn của vụ án đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà B1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xE1 xét và giải quyết chia thừa kế

theo di chúc ngày 19/8/2009 của bà Tôn Thị Khê để lại di sản cho bà B1. Bà B1 không đồng ý nhận giá trị di sản vì hiện nay bà B1 đang ở nhờ trên đất của người khác.

Tại P4ên tòa phúc thẩm, bà B1 rút yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 572m^2. Bà B1 thay đổi yêu cầu: chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 572m^2 và diện tích 766m^2. Bà B1 yêu cầu được nhận diện tích đất thực tế để sử dụng. Phần diện tích đất chênh lệch, bà B1 đồng ý nhận giá trị di sản theo định giá của Hội đồng định giá thị xã H1 Ngự và các nội dung khác có L2 quan đến việc chia thừa kế bà B1 yêu cầu Hội đồng xét xử xE1 xét theo quy định của pháp luật.

Ông Dương Văn T1 (Tiễn) và bà Dương Thị Bé E1 không đồng ý với khởi kiện và kháng cáo của bà B1. Ông Tiễn và bà E1 yêu cầu giá trị chia di sản của bà Khê theo pháp luật.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại P4ên tòa cho thấy:

[1] Bà Dương Thị B1 rút yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Tôn Thị Khê theo di chúc ngày 19/8/2009 đối với diện tích 572m^2.

Việc rút yêu cầu của bà B1 là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Xét nguồn gốc di sản:

Ông Dương Văn Thiếu (không xác định năm sinh) và bà Tôn Thị Khê (sinh năm 1927) là vợ cH1.

Ông Thiếu và bà Khê có 06 người con gồm:

+ Dương Văn T2 (chết vào ngày 28/12/2013);

+ Dương Thị Bé E1;

+ Dương Văn Bé Tư (chết lúc nhỏ);

+ Dương Thị Bé Năm (chết vào năm 1992);

+ Dương Văn T1 (Tiễn);

+ Dương Thị B1.

Ông Dương Văn Thiếu chết vào năm 1968, không để lại di chúc.

Bà Tôn Thị Khê chết vào ngày 11/9/2009, có để lại di chúc vào ngày 19/8/2009.

Trong quá trình ông Thiếu và bà Khê chung sống có tạo lập được số tài sản như sau:

+ Diện tích đất thổ và trồng cây lâu năm đo đạc thực tế là 1.538,1m^2 và diện tích đất 100m^2 (chia cho ông Dương Văn T2 xong).

+ Diện tích đất lúa 1.630m^2 bà Khê cho ông Tiễn. Ông Tiễn đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Võ Văn Đậm vào ngày 25/9/2009.

Diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 1.538,1m^2, trong đó có diện tích 724,3m^2 bà Tôn Thị Khê đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp cho hộ bà Tôn Thị Khê) và diện tích đất 813,8m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Vào năm 2009, hộ bà Tôn Thị Khê gồm có 04 nhân khẩu: bà Tôn Thị Khê (chủ hộ) và 03 người cháu nội là anh Dương Văn L7, anh Dương Văn T6 và chị Dương Thị N1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Tôn Thị Khê vào ngày 19/8/2008 nhưng bà B1, ông Tiễn và bà E1 đều thống nhất thành viên trong hộ chỉ nhập chung hộ khẩu gia đình với bà Khê để T3 tiện việc học tập. Diện tích đất tranh chấp tuy cấp quyền sử dụng cho hộ bà Khê nhưng chỉ thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà Khê.

Riêng diện tích 766m^2 (qua đo thực tế là 813,8m^2) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự cam kết chỉ khởi kiện tại Tòa án, không khiếu nại đến cơ quan hành chính nào khác. Căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và xE1 xét, giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp.

[3] Xét về nguồn gốc diện tích đất 766m^2.

Bà Bé E1 trình bày và xác định: diện tích đất nói trên là do bà Bé E1 được hưởng thừa kế từ hai người cậu ruột là ông Chánh và ông DE1. Vì vậy, diện tích đất 766m^2 không pH4 là di sản của bà Tôn Thị Khê nên bà Bé E1 yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất này. Bà Bé E1 không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà B1.

Bà B1 xác định: diện tích đất 766m^2 nói trên thuộc quyền sử dụng của bà Tôn Thị Khê nên bà B1 yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Bé E1 trình bày bà được hưởng thừa kế diện tích đất 766m^2 từ các cậu ruột nhưng bà Bé E1 không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh. Riêng bà B1 không thừa nhận trình bày của bà Bé E1 và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất 766m^2 là của bà Khê trực tiếp quản lý và sử dụng. Đó là Giấy xác nhận của ông Hà Văn Thận, nguyên là lãnh đạo Tập đoàn 1, xã Tân Hội. Ông Thận thừa nhận có mượn đất của bà Khê để đào ao, lấy đất đổ nền kho lúa và xây Trường học mẫu giáo. Đến năm 1987 khi Tập đoàn 1 giải thể, Nhà nước có lệnh trả lại diện tích đất đã mượn cho bà Tôn Thị Khê.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị S1 (là vợ ông Tôn Văn DE1) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ cH1. Cha mẹ cH1 chết, bà Tôn Thị Khê là người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của ông Tôn Văn DE1.

Từ những nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất 766m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Tôn Thị Khê. Bà Khê chết để lại diện tích đất này, không có di chúc. Vì vậy, bà Dương Thị B1 yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 766m^2 theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Bé E1 xác định diện tích đất 766m^2 thuộc quyền sử dụng của bà Bé E1.

[4] Di sản của bà Tôn Thị Khê:

Bà B1, ông Tiễn và bà Bé E1 thống nhất, chỉ chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Khê gồm:

- Diện tích đất bà Khê được cấp quyền sử dụng 572m^2 (trong đó có 90m^2 đất ở nông thôn và 482m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất 1264, tờ bản đồ số 02.

- Diện tích đất 766m^2 (đất trồng cây lâu năm) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

- Một căn nhà tol đã xuống cấp (hiện nay căn nhà không còn vì ông T1 đã tháo dỡ) có giá trị là: 6.610.000 đồng.

- 09 cây Me tây (còng), 07 bụi Tre, 23 cây Me nước, 01 cây Me chua có tổng giá trị là 7.010.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu về chi phí khám, chữa bệnh và mai táng cho bà Khê được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chi phí hợp lý với số tiền là 17.897.000 đồng. Bà B1, ông Tiễn, bà E1 và các bên đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí khám, chữa bệnh và mai táng cho bà Khê tổng cộng là 17.897.000 đồng. Khấu trừ số tiền 17.897.000 đồng này vào di sản của bà Khê trước khi chia thừa kế. Chi phí nói trên do ông Tiễn chi xuất.

Như vậy khấu trừ vào di sản của bà Khê vào giá trị căn nhà, các cây trồng trên đất là 13.620.000đồng, còn thiếu số tiền 4.277.000đồng. Khấu trừ tiếp vào diện tích 50m^2 đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Tôn Thị Khê có giá trị:

50m^2 x 85.000 đồng/m^2 = 4.250.000 đồng.

4.277.000 đồng - 4.250.000 đồng = 27.000 đồng.

Ông T1 thống nhất việc khấu trừ như trên đã đủ và phù hợp, không yêu cầu khi chia thừa kế pH4 thanh toán thêm cho ông T1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE1 xét.

[5] Hàng thừa kế thứ nhất của bà Tôn Thị Khê gồm có: ông Dương Văn T2, bà Dương Thị Bé E1, ông Dương Văn T1 (Tiễn), bà Dương Thị Bé Năm và bà Dương Thị B1.

Ông Dương Văn T2 đã chết ngày 28/12/2013 nên hàng thừa kế thế vị của ông T2 gồm: bà Nguyễn Thị T3 (vợ ông T2) và các con của ông T2 là chị Dương Thị Thu H1, anh Dương Thanh P1, anh Dương Thanh T4 và anh Nguyễn Văn L1.

Bà Dương Thị Bé Năm đã chết năm 1992, hàng thừa kế thể vị của bà Bé Năm gồm: ông Cao Văn L3 (chết ngày 07/10/2016) và các con là anh Cao Văn H2, anh Cao Văn H3, chị Cao Thị L2, anh Cao H2 E1 (đã chết ngày 29/6/2015) và anh Cao Chí H4.

Đối với diện tích đất 572m^2, hàng thừa kế của ông T2, hàng thừa kế của bà Bé Năm và bà Bé E1 thống nhất nhận phần di sản được chia nhưng giao lại cho ông T1 (Tiễn) để dùng vào việc thờ cúng ông, bà.

Đối với diện tích đất 766m^2, hàng thừa kế của ông T2, hàng thừa kế của bà Bé Năm và ông T1 thống nhất nhận phần di sản được chia nhưng giao lại cho bà Bé E1 để dùng vào việc thờ cúng ông, bà.

[5] Xét kháng cáo của bà Dương Thị B1:

Bà B1 yêu cầu được nhận diện tích đất thực tế của phần thừa kế được chia để sử dụng, phần diện tích đất chênh lệch bà B1 nhận giá trị di sản theo định giá của Hội đồng định giá thị xã H1 Ngự. Các nội dung khác có L2 quan đến việc chia thừa kế, bà B1 yêu cầu Hội đồng xét xử xE1 xét theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bà B1 là có cơ sở và phù hợp với những căn cứ sau đây:

- Hiện nay, bà B1 không có diện tích đất nào khác để sử dụng. Sau khi nhận di sản của bà Khê, bà B1 cần có nơi để cất nhà ở ổn định.

- Ông T1 (Tiễn) và bà E1 đã được bà Khê chia cho diện tích đất trước khi chết với tổng diện tích đất là 155m^2.

- Ông Tiễn đã có nhà và diện tích đất ở ấp Dinh Bà, xã Tân Hộ Cơ, huyện Tân H1, tỉnh Đồng Tháp.

- Diện tích đất còn trống, chưa sử dụng trong việc cất nhà ở.

Từ nhận xét trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị B1 yêu cầu chia di sản của bà Tôn Thị Khê với diện tích đất cụ thể. Diện tích đất chênh lệch, bà B1 nhận giá trị di sản theo định giá của Hội đồng định giá thị xã H1 Ngự, các nội dung khác L2 quan đến việc chia thừa kế bà B1 yêu cầu Hội đồng xét xử xE1 xét theo quy định của pháp luật.

[6] Di sản của bà Tôn Thị Khê được xE1 xét cụ thể như sau:

- Diện tích 572m^2 bà Khê được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (trong đó có 90m^2 đất ở nông thôn và 482m^2 đất trồng cây lâu năm).

- Diện tích đất 766m^2 bà Khê chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khấu trừ thêm diện tích 50m^2 (tương ứng giá trị là 4.250.000 đồng) đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào chi phí điều trị bệnh, mai táng của bà Khê.

Như vậy, di sản của bà Khê là diện tích đất còn lại là:

- Diện tích đất được cấp quyền sử dụng: 572m^2 (trong đó có 90m^2 đất ở nông thôn và 482m^2 đất trồng cây lâu năm).

Đất trồng cây lâu năm: (482m^2 - 50m^2) : 5 = 86.4m^2.

90m^2 đất ở nông thôn : 5 = 18m^2.

- Diện tích 766m^2 đất trồng cây lâu năm chưa được cấp quyền sử dụng:

766m^2 : 5 = 153.2m^2.

Mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng cụ thể là 18m^2 đất ở nông thôn và 239.6m^2 đất trồng cây lâu năm.

* Bà Dương Thị B1 được chấp nhận sử dụng diện tích đất thừa kế cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 1 đến mốc 17 đến mốc 17' cạnh 6.44 mét + 2.64m^2 = 9.08 mét.

Chiều ngang sau giáp một phần diện tích đất được giao cho bà E1, một phần diện tích đất giao cho ông T1 đo từ mốc 10 đến mốc 10' đến mốc 16' cạnh 7.96 mét + 3.22 mét = 11.18 mét.

Chiều dài giáp đất ông S1 đo từ mốc 1 đến mốc 10 cạnh 23.05 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất giao cho bà E1 đo từ mốc 17' đến mốc 16' cạnh 20.24 mét.

Chiều dài còn lại (giữa diện tích đất có ký hiệu E và F) đo từ mốc 17 đến mốc 10' cạnh 21.06 mét.

Thể hiện tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự ký hiệu E và F.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

* Diện tích đất đã được cấp quyền sử dụng, ngoài bà B1, hàng thừa kế còn lại của bà Khê thống nhất giao cho ông Dương Văn T1 (Tiễn) được hưởng. Như vậy, ông T1 được hưởng diện tích đất:

Đất ở nông thôn: 18m^2 x 4 = 72m^2.

Đất trồng cây lâu năm: 86.4m^2 x 4 = 345.6m^2.

Cộng diện tích đất 50m^2 (chi phí khám, chữa bệnh và mai táng cho bà Khê): 345.6m^2 + 50m^2 = 395.6m^2.

* Diện tích đất chưa được cấp quyền sử dụng, ngoài bà B1, hàng thừa kế còn lại của bà Khê thống nhất giao cho bà Dương Thị Bé E1 được hưởng. Như vậy, bà Bé E1 được hưởng diện tích đất cụ thể như sau:

153.2m^2 x 4 = 612.8m^2.

* Diện tích đất chênh lệch so với diện tích đất thực tế bà B1 được hưởng có giá trị như sau:

- Diện tích đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, hàng thừa kế giao cho ông T1. Ông T1 hưởng thừa: 18m^2 đất ở nông thôn và 26.7m^2 đất trồng cây lâu năm:

18m^2 x 200.000 đồng/m^2 = 3.600.000 đồng.

26.7m^2 x 85.000 đồng/m^2 = 2.269.000 đồng.

Như vậy, ông T1 có trách nhiệm trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với kỷ phần thừa kế mà bà B1 được hưởng tổng cộng là 5.869.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Diện tích đất chưa được cấp quyền sử dụng, hàng thừa kế giao cho bà Bé E1 hưởng. Diện tích đất thực tế, bà B1 được giao nhiều hơn. Bà Bé E1 hưởng ít hơn: 3m^2 đất trồng cây lâu năm:

3m^2 x 85.000 đồng/m^2 = 255.000 đồng

Như vậy, bà B1 có trách nhiệm giao lại cho bà Bé E1 số tiền 255.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Bà Dương Thị Bé E1 được quyền sử dụng diện tích đất 609.8m^2 đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất 609.8m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Thể hiện diện tích đất nói trên tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 là ký hiệu số 1 – 3 – 4.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

[7] Ông Dương Văn T1 (Tiễn) được quyền sử dụng diện tích đất được chia thừa kế, cụ thể như sau:

Đất ở nông thôn: 72m^2 + 18m^2 (trả giá trị cho bà B1) = 90m^2.

Diện tích đất trồng cây lâu năm: 395.6m^2 + 26.7m^2 (trả giá trị cho bà B1) = 422.3m^2.

Tổng diện tích đất nói trên thuộc phần thửa số 1264, tờ bản đồ số 02. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Thể hiện diện tích đất nói trên tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 là ký hiệu số 2.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

[8] Buộc ông Dương Văn T1 (Tiễn) có trách nhiệm giao cho bà Dương Thị B1 diện tích đất thể hiện tại vị trí ký hiện F tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018, cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 17 đến mốc 17’ cạnh 2.64m^2.

Chiều ngang sau giáp diện tích đất được giao cho ông T1 đo từ mốc 10’ đến mốc 16’ cạnh 3.22 mét.

Chiều dài giáp đất giao cho ông T1 đo từ mốc 17’ đến mốc 16’ cạnh 20.24 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất giao cho bà E1 đo từ mốc 17 đến mốc 10’ cạnh 21.06 mét.

- Buộc bà Dương Thị Bé E1 có trách nhiệm giao cho bà Dương Thị B1 diện tích đất thể hiện tại vị trí ký hiện E tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018, cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 1 đến mốc 17 cạnh 6.44m^2.

Chiều ngang sau giáp diện tích đất được giao cho bà E1 đo từ mốc 10 đến mốc 10’ cạnh 7.96 mét.

Chiều dài giáp đất giao cho bà B1 (ký hiệu F) đo từ mốc 17 đến mốc 10’ cạnh 21.06 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất của ông S1 đo từ mốc 1 đến mốc 10 cạnh 23.05 mét.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

[8] Tuy bà Dương Thị Bé E1 là người quản lý, giữ gìn đối với di sản của bà Tôn Thị Khê là diện tích đất tranh chấp. Nhưng ngoài diện tích đất các bên không tranh chấp, bà Bé E1 còn được bà Khê cho một diện tích đất sử dụng trước khi chết. Diện tích đất tranh chấp không phát sinh thêm cây trồng và không được bà Bé E1 tôn tạo thêm nên Hội đồng xét xử không xE1 xét công sức đóng góp đối với bà Bé E1. Vì vậy, bà Bé E1 không được hưởng thêm một kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật.

Từ nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng cáo của bà Dương Thị B1 là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[9] Trong diện tích đất tổng cộng là 727m^2 thuộc thửa 1264, tờ bản đồ số 02 do Ủy ban nhân dân huyện H1 Ngự (nay là thị xã H1 Ngự) cấp cho hộ bà Tôn Thị Khê vào ngày 19/8/2008 có diện tích đất 155m^2 các bên đương sự không tranh chấp. Diện tích đất này, các bên thống nhất: bà Khê đã cho ông T1 và bà Bé E1 trước khi chết. Do các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE1 xét.

Ngoài ra, còn có diện tích đất 47,8m^2 chưa được cấp quyền sử dụng đất do bà Dương Thị Bé E1 đang quản lý, sử dụng (ký hiệu tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 là số 5). Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xE1 xét.

Từ các nội dung và nhận xét nêu trên, Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà B1, ông T1 và bà E1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và L4 ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Dương Thị B1 là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

Tại P4ên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293; Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 650, Điều 651 Điều 652 của Bộ luật dân sự;

Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

T5 xử:

- Chấp nhận kháng cáo (có thay đổi) của bà Dương Thị B1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã H1 Ngự.

- Đình chỉ kháng cáo của bà Dương Thị B1 yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Tôn Thị Khê theo di chúc ngày 19/8/2009 đối với diện tích 572m^2.

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Tôn Thị Khê theo pháp luật của bà Dương Thị B1.

- Không chấp nhận yêu cầu bà Dương Thị B1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Tôn Thị Khê.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Dương Văn T1 (Tiễn) yêu cầu những người hưởng thừa kế trả lại cho ông chi phí khám, chữa bệnh, mai táng cho bà Tôn Thị Khê với tổng giá trị 17.897.000 đồng.

* Bà B1 được chấp nhận sử dụng diện tích đất cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 1 đến mốc 17 đến mốc 17’ cạnh 6.44 mét + 2.64m^2 = 9.08 mét.

Chiều ngang sau giáp một phần diện tích đất được giao cho bà E1, một phần diện tích đất giao cho ông T1 đo từ mốc 10 đến mốc 10’ đến mốc 16’ cạnh 7.96 mét + 3.22 mét = 11.18 mét.

Chiều dài giáp đất ông S1 đo từ mốc 1 đến mốc 10 cạnh 23.05 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất giao cho bà E1 đo từ mốc 17’ đến mốc 16’ cạnh 20.24 mét.

Chiều dài còn lại (giữa diện tích đất có ký hiệu E và F) đo từ mốc 17 đến mốc 10’ cạnh 21.06 mét.

Thể hiện tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự ký hiệu E và F.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

Diện tích tổng cộng là 215.9m^2 (đất trồng cây lâu năm).

* Ông Dương Văn T1 (Tiễn) được hưởng di sản thừa kế:

+ Một căn nhà tol, gỗ tạp (hiện nay không còn, do ông T1 đã tháo dỡ); 09 (Chín) cây Me tây; 07 (Bảy) bụi Tre; 23 (Hai mươi ba) cây Me nước cổ thụ và 01 (Một) cây Me chua.

+ Diện tích 90m^2 đất ở nông thôn.

+ Diện tích 422.3m^2 đất trồng cây lâu năm.

Thể hiện các diện tích đất nói trên tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 là ký hiệu số 2.

Tổng diện tích đất và tài sản nói trên thuộc một phần thửa số 1264, tờ bản đồ số 02 do hộ bà Tôn Thị Khê đứng tên quyền sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

* Bà Dương Thị Bé E1 được hưởng di sản: diện tích 609.8m^2 đất trồng cây lâu năm.

Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hòa, xã Tân Hội, thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Thể hiện diện tích đất nói trên tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 là ký hiệu số 1 – 3 – 4.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2017, ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự; Biên bản xác định mốc gởi và Biên bản xác minh tài sản gắn liền với đất ngày 31/10/2017; Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự).

- Buộc ông Dương Văn T1 (Tiễn) có trách nhiệm giao cho bà Dương Thị B1 diện tích đất thể hiện tại vị trí ký hiệu F tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018, cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 17 đến mốc 17' cạnh 2.64m^2.

Chiều ngang sau giáp diện tích đất được giao cho ông T1 đo từ mốc 10' đến mốc 16' cạnh 3.22 mét.

Chiều dài giáp đất giao cho ông T1 đo từ mốc 17' đến mốc 16' cạnh 20.24 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất giao cho bà E1 đo từ mốc 17 đến mốc 10' cạnh 21.06 mét.

- Buộc bà Dương Thị Bé E1 có trách nhiệm giao cho bà Dương Thị B1 diện tích đất thể hiện tại vị trí ký hiệu E tại Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018, cụ thể như sau:

Chiều ngang giáp mốc lộ giới lộ nhựa đo từ mốc 1 đến mốc 17 cạnh 6.44m^2.

Chiều ngang sau giáp diện tích đất được giao cho bà E1 đo từ mốc 10 đến mốc 10' cạnh 7.96 mét.

Chiều dài giáp đất giao cho bà B1 (ký hiệu F) đo từ mốc 17 đến mốc 10' cạnh 21.06 mét.

Chiều dài giáp diện tích đất của ông S1 đo từ mốc 1 đến mốc 10 cạnh 23.05 mét.

(Kèm theo Biên bản xE1 xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H1 Ngự và Mãnh trích đo địa chính số 140 - 2018 ngày 30/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H1 Ngự)

Buộc ông Dương Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị B1 giá trị phần di sản chênh lệch số tiền 5.869.000 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Buộc bà Dương Thị B1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị Bé E1 giá trị phần di sản chênh lệch số tiền 255.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người pH4 thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền sẽ được tính lãi theo mức lãi suất bằng 50% của mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Các bên đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích được chấp nhận nói trên.

- Về án phí: Bà Dương Thị B1, ông Dương Văn T1 (Tiễn) và bà Dương Thị Bé E1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị B1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.262.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 002811 ngày 12/7/2010 (số tiền 200.000 đồng); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009278 ngày 30/5/2012 (số tiền 200.000 đồng) và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 034411 ngày 19/9/2016 (số tiền 862.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Dương Văn T1 (Tiễn) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 2.070.000 đồng (Hai triệu bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009023 ngày 31/8/2011 (số tiền 429.000 đồng) và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 029721 ngày 08/3/2016 (số tiền 1.641.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Dương Thị B1, ông Dương Văn T1 (Tiễn) và bà Dương Thị Bé E1 không pH4 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Dương Thị B1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02585 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H1 Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Chi phí xE1 xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 5.457.000 đồng (Năm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bà B1 pH4 chịu số tiền 909.500 đồng (Chín trăm chín nghìn năm trăm đồng). Ông T1 (Tiễn) pH4 chịu số tiền 1.819.000 đồng (Một triệu tám trăm mười chín nghìn đồng) và bà Bé E1 pH4 chịu số tiền 2.728.500 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mười tám nghìn năm trăm đồng).

Tổng số tiền 5.457.000 đồng (đã chi xong), bà B1 đã tạm ứng số tiền 2.974.000 đồng và ông T1 đã tạm ứng số tiền 2.483.000 đồng. Vì vậy, bà Bé E1 có trách nhiệm trả cho bà B1 số tiền 2.064.500 đồng (Hai triệu sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) và bà Bé E1 trả cho ông T1 số tiền 664.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Chi phí giám định tổng cộng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) bà B1 pH4 chịu. Chi phí giám định 2.000.000 đồng này, ông T1 đã tạm ứng và chi xong nên bà B1 có trách nhiệm trả lại cho ông T1 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T5 án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH4 thi hành

án dân sự có quyền thỏa T3 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND TX.H1 Ngự;
- Chi cục THADS TX.H1 Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Liên Hiệp